

**THÔNG BÁO**  
**Về kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá**

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:**

*Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;*

*Căn cứ Bản án số 09/2025/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Quảng Trị;*

*Căn cứ Quyết định thi hành án số 869/QĐ-THADS ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;*

*Căn cứ Quyết định thi hành án số 1451/QĐ-THADS ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.*

*Căn cứ Quyết định Về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất số 126/QĐ-THADS ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;*

*Căn cứ Biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản vào hồi 9 giờ 05 phút ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Quảng Trị.*

*Căn cứ Biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản vào hồi 9 giờ 30 phút ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Quảng Trị.*

*Căn cứ Thông báo về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản số 874/TB-THADS.KV6 ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Quảng Trị.*

*Căn cứ Thông báo về kết quả lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản thi hành án dân sự số 969/TB-THADS.KV6 ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Quảng Trị.*

*Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 461/2026/0264/THA/QTI/SGV ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Công ty cổ phần thẩm định giá SAGOVALUE.*

*Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định giá tài sản số 1497/TB-THADS.KV6 ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Chấp hành viên Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Quảng Trị;*

*Căn cứ Thông báo số 1683/TB-THADS.PKV6 ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Quảng Trị về việc công khai lựa tổ chức đấu giá tài sản;*

*Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản.*

**II. KẾT QUẢ LỰA CHỌN:**

## **1. Tài sản đấu giá:**

**1.1. Quyền sử dụng đất**, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 366, tờ bản đồ số 18; diện tích 276,0 m<sup>2</sup>; Địa chỉ: Thôn Nam Chánh, xã Hải Chánh, huyện Hải Lăng (nay là xã Nam Hải Lăng), tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DI 241241 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 07/02/2023, số vào sổ cấp GCN số: CS 01645, chuyển nhượng cho ông Trương Tuấn Vũ ngày 04/6/2024.

Tài sản trên đất: 01 ngôi nhà xây cấp 4 đã cũ, tường được xây bằng gạch có tô trát hoàn thiện, mái lợp tôn bờ rô xi măng, nền nhà lát gạch hoa, trần nhà la phong bằng tôn.

Giá khởi điểm: 920.478.000 đồng (*Chín trăm hai mươi triệu, bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng*)

**1.2. Quyền sử dụng đất**, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 15; diện tích 192,9 m<sup>2</sup>; Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn Diên Sanh, huyện Hải Lăng (nay là xã Diên Sanh), tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DO 704421 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hải Lăng cấp ngày 04/6/2024, số vào sổ cấp GCN số CS 01561, cấp cho ông Trương Tuấn Vũ.

Tài sản trên đất: 01 ngôi nhà xây 02 tầng, được xây dựng vào năm 2023, kết cấu nhà sàn bê tông cốt thép, mái nhà lợp tôn, tô trát hoàn thiện.

Giá khởi điểm: 2.388.715.000 đồng (*Hai tỷ, ba trăm tám mươi tám triệu, bảy trăm mười lăm nghìn đồng*)

## **2. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty Đấu giá hợp danh Miền Trung**

- Mã số thuế: 3200507473

- Địa chỉ: Đường Trần Nhật Duật, Khu phố Tây Trì, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị.

- Tổng số điểm: 97

**3. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có):** Không

**4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có):** Không

## **III. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)**

| TT         | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                           | MỨC TỐI ĐA         | Công ty đấu giá hợp danh Miền Trung |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>                                                                                                                                                                                          |                    |                                     |
| 1.         | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                                     | Đủ điều kiện       | Đủ điều kiện                        |
| 2.         | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                                                                                                               | Không đủ điều kiện |                                     |
| <b>II</b>  | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                                              | <b>19,0</b>        | <b>19,0</b>                         |
| <b>1.</b>  | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                     | <b>10,0</b>        | <b>10,0</b>                         |
| 1.1        | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc                                                                                                                                                                        | 5,0                | 5,0                                 |
| 1.2        | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện                                                                                                                                                                                                               | 5,0                | 5,0                                 |
| <b>2.</b>  | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                           | <b>5,0</b>         | <b>5,0</b>                          |
| 2.1        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                         | 2,0                | 2,0                                 |
| 2.2        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                                                                                         | 3,0                | 3,0                                 |
| <b>3.</b>  | <b>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên<br/>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp</b> | <b>2,0</b>         | <b>2,0</b>                          |
| <b>4.</b>  | <b>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</b>                                                                                                                            | <b>1,0</b>         | <b>1,0</b>                          |
| <b>5.</b>  | <b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                                | <b>1,0</b>         | <b>1,0</b>                          |
| <b>III</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                                                                                                                       | <b>16,0</b>        | <b>16,0</b>                         |
| <b>1.</b>  | <b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>                                                                                                                                                                 | <b>4,0</b>         | <b>4,0</b>                          |
| 1.1        | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                                | 2,0                | 2,0                                 |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                        | MỨC TỐI ĐA | Công ty đấu giá hợp danh Miền Trung |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------|
| 1.2 | <i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>                                                                                                                              | 2,0        | 2,0                                 |
| 2.  | <b><i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i></b>                  | 4,0        | 4,0                                 |
| 3.  | <b><i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i></b>                                                                | 4,0        | 4,0                                 |
| 3.1 | <i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>                                                                                                                               | 2,0        | 2,0                                 |
| 3.2 | <i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>                                                                                | 2,0        | 2,0                                 |
| 4.  | <b><i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i></b>         | 4,0        | 4,0                                 |
| IV  | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                                                    | 57,0       | 54,0                                |
| 1.  | <b><i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</i></b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 15,0       | 15,0                                |
| 1.1 | <i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                                                     | 12,0       |                                     |
| 1.2 | <i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                              | 13,0       |                                     |
| 1.3 | <i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>                                                                                                                              | 14,0       |                                     |
| 1.4 | <i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>                                                                                                                                               | 15,0       | 15,0                                |
| 2.  | <b><i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</i></b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                  | 7,0        | 7,0                                 |
| 2.1 | <i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>                                                                                       | 4,0        |                                     |
| 2.2 | <i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>                                                                                                                  | 5,0        |                                     |
| 2.3 | <i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>                                                                                                                  | 6,0        |                                     |
| 2.4 | <i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>                                                                                                                                         | 7,0        | 7,0                                 |
| 3.  | <b><i>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</i></b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung                | 7,0        | 7,0                                 |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | MỨC TỐI ĐA | Công ty đấu giá hợp danh Miền Trung |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------|
|     | cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |            |                                     |
| 3.1 | Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4,0        |                                     |
| 3.2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5,0        |                                     |
| 3.3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6,0        |                                     |
| 3.4 | Từ 50 cuộc trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7,0        | 7,0                                 |
| 4.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm. | 3,0        | 3,0                                 |
| 4.1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3,0        | 3,0                                 |
| 4.2 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:<br>Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$                                                                                                                                                                                                          |            |                                     |
| 4.3 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$                                                                                                                                                                                 |            |                                     |
| 5.  | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)</b>                                                                                                                                                             | 7,0        | 6,0                                 |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | MỨC TỐI ĐA | Công ty đấu giá hợp danh Miền Trung |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------|
|     | Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |            |                                     |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4,0        |                                     |
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5,0        |                                     |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6,0        | 6,0                                 |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7,0        |                                     |
| 6.  | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4,0        | 3,0                                 |
| 6.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2,0        |                                     |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3,0        | 3,0                                 |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4,0        |                                     |
| 7.  | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4,0        | 4,0                                 |
| 7.1 | Dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2,0        |                                     |
| 7.2 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3,0        |                                     |
| 7.3 | Từ 10 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4,0        | 4,0                                 |
| 8.  | <b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5,0        | 4,0                                 |
| 8.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3,0        |                                     |
| 8.2 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4,0        | 4,0                                 |
| 8.3 | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5,0        |                                     |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | MỨC TỐI ĐA | Công ty đấu giá hợp danh Miền Trung |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------|
| 9.  | <i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</i><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5,0        | 5,0                                 |
| 9.1 | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3,0        |                                     |
| 9.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4,0        |                                     |
| 9.3 | Từ 100 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5,0        | 5,0                                 |
| V   | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8,0        | 8,0                                 |
| 1.  | <i>Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá: Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản từ năm 2024 đến hết năm trước liền kề</i>                                                                                                                                                                                                          | 2,0        | 2,0                                 |
| 1.1 | Từ 40 hợp đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2,0        | 2,0                                 |
| 1.2 | Từ 01 hợp đồng đến 39 hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1,0        |                                     |
| 2.  | <i>Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.</i>                                                                                                                                                                                                                     | 2,0        | 2,0                                 |
| 3.  | <i>Đã từng ký hết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với các đơn vị THADS trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và đã tổ chức đấu giá thành theo hợp đồng đó từ năm 2024 đến năm 2025</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4,0        | 4,0                                 |
| 3.1 | Từ 86 hợp đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4,0        | 4,0                                 |

| TT                  | NỘI DUNG                              | MỨC<br>TỐI ĐA | Công ty<br>đầu giá<br>hợp danh<br>Miền<br>Trung |
|---------------------|---------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------|
| 3.2                 | <i>Từ 40 hợp đồng đến 85 hợp đồng</i> | <i>2,0</i>    |                                                 |
| 3.3                 | <i>Từ 01 hợp đồng đến 39 hợp đồng</i> | <i>1,0</i>    |                                                 |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                       | <b>100</b>    | <b>97</b>                                       |

Vậy, thông báo để các bên liên quan được biết./.

**Nơi nhận:**

- Công ĐGTS quốc gia;
- Đường sự;
- Viện KSND khu vực 6;
- Trang TTĐT THADS tỉnh Quảng Trị;
- Công TTĐT cục QLTHADS;
- Công ty ĐG hợp danh Miền Trung;
- Lưu: VT, HSTHA.

**CHẤP HÀNH VIÊN**

**Hoàng Thị Chi Mai**